

C, ngày 02 tháng 4 năm 2025

Số: 43/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bé Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Anh Triệu Văn C, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bé Thị L và anh Triệu Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Bé Thị L và anh Triệu Văn C có 02 (Hai) con chung là Triệu Thị Bích N, sinh ngày 04/01/2011 và Triệu Minh A, sinh ngày 16/8/2012, hiện nay 02 (hai) con chung là Triệu Thị Bích N và Triệu Minh A đang sống chung với anh Triệu Văn C.

Khi ly hôn chị L và anh C thỏa thuận:

- Giao 02 (Hai) con chung là Triệu Thị Bích N, sinh ngày 04/01/2011 và Triệu Minh A, sinh ngày 16/8/2012 (Như nguyện vọng của các con) cho anh Triệu Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Bé Thị L đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 (Hai) con chung là Triệu Thị Bích N, sinh ngày 04/01/2011 và Triệu Minh A, sinh ngày 16/8/2012 mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/02 con/tháng (cụ

thê: 1.000.000đ (Một triệu đồng)/mỗi con/tháng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 4 năm 2025 đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Bé Thị L và anh Triệu Văn C tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé Thị L tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0007200 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai. Chị Bé Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã I;
- (Giấy CNKH số 15 ngày 16/03/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Thy Thy

